

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: 06/2023/HS-ST

Ngày 07 - 3 - 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đình Thi - Nguyên là giáo viên

Ông Hoàng Công Nghĩa - Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Mai Xuân T, sinh ngày 20 tháng 11 năm 2004, tại thị xã B, tỉnh Quảng Bình; tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 5 tháng 13 ngày; nơi cư trú: Thôn Cồn S, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Thanh B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 12/9/2022 sau đó bỏ trốn. Ngày 17/11/2022 bị bắt truy nã và tạm giữ, sau đó chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B cho đến nay. Theo lệnh trích xuất bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Quang N, sinh ngày 12 tháng 4 năm 2006; tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 0 tháng 21 ngày; nơi cư trú: Thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 8/12;

dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Hoàng Thị H; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 12/9/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Cháu Mai Thị Thanh H, sinh ngày 10/6/2007; nơi cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Chị Cao Thị H, sinh ngày 18/7/1988; nơi cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 02/5/1994; nơi cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 15/6/2008; nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Chị Đoàn Thị Mỹ H, sinh ngày 10/10/1985; nơi cư trú: thôn N, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- Anh Nguyễn Văn S, sinh ngày 05/8/2004; nơi cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Mai Xuân T: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Quang N: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1980; nơi cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Mai Thị Thanh H: Chị Cao Thị L, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn C, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cháu Hoàng Anh T: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn Đ, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

Người bào chữa cho bị cáo Mai Xuân T và Nguyễn Quang N: Bà Phan Thị Bích T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 03/5/2022, Mai Xuân T và Nguyễn Quang N đến nhà cháu Mai Thị Thanh H ở cùng thôn chơi và tổ chức ăn uống tại nhà H. Quá trình ngồi chơi, Thảo thấy cháu H đang dùng máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus, màu vàng nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi chơi xong, T và N ra về, khi đến đường đất đỏ thuộc đội 1, thôn C, xã Q, thị xã B, cả hai cùng dừng lại và ngồi chơi tại đó đến khoảng 02 giờ ngày 04/5/2022, T hẹn N quay lại nhà H. Khi đến trước cổng nhà cháu H, T bảo N đứng ở ngoài đợi mình để đi vào nhà H lấy đồ để quên. T đi vào trong nhà H rồi trèo qua cửa sổ đột nhập vào bên trong, khi đi đến phòng bếp T thấy và bạn đang nằm ngủ, bên dưới chân của H nằm, có điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus đang sạc pin. T đến vị trí chiếc điện thoại, rút sạc và lấy trộm điện thoại trên cát giấu vào túi quần rồi đi ra ngoài hẹn N quay lại đường đất đỏ chơi. T lấy điện thoại di động vừa trộm được trong túi đưa ra cho N, rồi nhờ đưa đi bán, N cầm máy và hỏi “Điện thoại mô ra đây?”, T trả lời: “Điện thoại lấy của con H”. Sau đó, N và T đi đến nhà Nguyễn Văn S ở cùng thôn để bán máy điện thoại vừa trộm cắp được. Tại đây, N hỏi S: “Mua máy không?”, thì S nói: “Máy chi?”, N đưa điện thoại cho S xem và nói “Iphone 8 Plus, ba triệu”. S đồng ý mua và đưa cho N số tiền 900.000 đồng, số tiền còn lại S bảo N lúc khác trả. Đến ngày 05/5/2022 thì N gặp S và lấy thêm số tiền 1.100.000 đồng. Số tiền có được từ việc bán điện thoại trên T và N đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12 ngày 20/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 04/5/2022, điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus-64GB Gold IMEI: 359500087228405 đã qua sử dụng (vỡ mặt lưng sau và trước) có giá: 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, xác định Mai Xuân Thảo còn thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 15 giờ ngày 15/4/2022, Mai Xuân T đi qua nhà chị Cao Thị H thì thấy trong nhà chị H chỉ có con nhỏ ở nhà một mình nên đã đột nhập vào nhà lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M10, màu đen

và 01 con lợn nhựa, màu đỏ bên trong có 500.000 đồng. Sau đó, T đi đến tiệm cầm đồ “Mỹ Hạnh” tại thôn N, xã Q, thị xã B, cầm cố điện thoại trên cho chị Đoàn Thị Mỹ H (chủ quán) với số tiền 700.000 đồng. Số tiền có được từ trộm cắp tài sản, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12 ngày 20/5/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã B, tỉnh Quảng Bình kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 15/4/2022 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M10 Black IMEI: 355546101868993, đã qua sử dụng có giá trị 1.500.000 đồng. Tổng trị giá tài sản T đã chiếm đoạt là 2.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 21 giờ ngày 30/4/2022, Mai Xuân T trên đường đi đến nhà thờ Giáo Xứ thôn C để chơi, thì gặp và hẹn Hoàng Anh T cùng đi theo. Khi đi đến nhà chị Nguyễn Thị T thấy bên trong nhà có đông người. T nảy sinh ý định vào lấy trộm tài sản nên đã hẹn T thì T đồng ý. Đến trước cổng nhà chị T, T bảo T ở ngoài canh giới, còn T đột nhập vào nhà chị T lấy trộm được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7Plus, màu vàng hồng của chị Nguyễn Thị H. Khi đi ra khỏi nhà chị T, T đưa điện thoại trộm cắp được cho T rồi cả hai đi về nhà của T. Khi T và T đang đứng chơi ở sân nhà T thì Nguyễn Quang N đến. Sau đó, T bán máy điện thoại vừa trộm cắp được cho N, với số tiền 400.000 đồng. T đưa cho T 200.000 đồng, số tiền trên T và T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12 ngày 20/5/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình, kết luận: Tại thời điểm bị mất trộm vào ngày 30/4/2022, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus-64GB vàng hồng, số IMEI: 355347080989433 đã qua sử dụng có giá trị 3.300.000 đồng.

Trong vụ án này, Hoàng Anh T cùng tham gia với T trộm cắp tài sản vào ngày 30/4/2022 gây thiệt hại 3.300.000 đồng. Tuy nhiên tại thời điểm phạm tội, T mới được 13 tuổi 10 tháng 15 ngày nên chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự. Đối với chị Đoàn Thị Mỹ H là người nhận cầm cố điện thoại di động của Mai Xuân T vào ngày 15/4/2022, Nguyễn Văn S là người mua lại tài sản chiếc điện thoại di động của T và N vào ngày 04/5/2022 nhưng do chị H và S không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự. Cơ quan cảnh sát điều tra đã triệu tập răn đe, nhắc nhở.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, đã thu giữ từ Nguyễn Văn S (người mua) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus-64GB, màu vàng nhạt, số IMEI: 359500087228405, mặt trước điện thoại có vết rạn nứt, mặt sau điện thoại có nhiều vết rạn nứt, đã qua sử dụng; thu giữ từ Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus-64GB, màu vàng hồng, số IMEI: 355347080989433 đã qua sử dụng; thu giữ từ chị Đoàn Thị Mỹ H (người mua) 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M10, màu đen, số IMEI: 355546101868993, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, xác định chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus-64GB, màu vàng nhạt thuộc sở hữu của cháu Mai Thị Thanh H; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus-64GB, màu vàng hồng thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị H; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M10, màu đen thuộc sở hữu của chị Cao Thị H nên Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu.

Quá trình điều tra bị cáo Mai Xuân T, đã bồi thường đầy đủ số tiền 500.000 đồng theo yêu cầu của chị Cao Thị H; đã hoàn trả số tiền 700.000 đồng cho chị Đoàn Thị Mỹ H và 900.000 đồng cho anh Nguyễn Văn S. Bị cáo Nguyễn Quang N, đã hoàn trả số tiền 1.100.000 đồng cho anh Nguyễn Văn S. Ngoài ra, các bị hại là chị Mai Thị Thanh H, Cao Thị H, Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về mặt dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 07/CT - VKSBD ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn đã truy tố bị cáo Mai Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Quang N về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng, đã xem xét, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Mai Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Quang N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Xuân T từ 07 đến 09 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 91 và Điều 100 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quang N từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Mai Xuân T và Nguyễn Quang N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên nhận thức chưa chín chắn, đầy đủ, các bị cáo sinh ra trong một gia đình nghèo, bị cáo Mai Xuân T bố mất sớm, gia đình đông anh em nên việc quản lý của gia đình có phần hạn chế. Việc các bị cáo phạm tội một phần do sự sơ hở của bị hại nên đã tạo điều kiện cho các bị cáo thực hiện việc trộm cắp tài sản. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Tại phiên Tòa các bị cáo nhất trí với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, không tham gia tranh luận thêm.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, để các bị cáo có điều kiện giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa

vụ liên quan, người làm chứng, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đã truy tố đối với các bị cáo. Như vậy, đã có đủ cơ sở để xác định: Trong thời gian từ ngày 15/4/2022 đến ngày 04/5/2022, bị cáo Mai Xuân T đã 03 lần đột nhập vào nhà ở của các bị hại tại thôn C, xã Q, thị xã B lấy trộm 01 điện thoại Iphone 8 Plus- 64GB trị giá 4.200.000 đồng của cháu Mai Thị Thanh H, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M10 trị giá 1.500.000 đồng và 500.000 đồng của chị Cao Thị H; 01 điện thoại Iphone 7 Plus- 64GB vàng hồng, trị giá 3.300.000 đồng của chị Nguyễn Thị H tại nhà chị T. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt của các bị hại là 9.500.000 đồng. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Mai Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đối với Nguyễn Quang N biết rõ nguồn gốc chiếc điện thoại di động Iphone 8 Plus- 64GB do T phạm tội mà có nhưng N vẫn bán cho S với giá 3.000.000 đồng. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Quang N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương. Vì vậy, xét thấy cần phải áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự để quyết định cho các bị cáo một mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, nhằm đảm bảo răn đe, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật cho các bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi, do đó mức độ nhận thức về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội còn hạn chế, vì vậy, khi quyết định hình phạt cần áp dụng nguyên tắc xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Điều 90 và Điều 91 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Mai Xuân T phạm tội 03 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được hành vi sai trái của mình; các bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của bị hại, nhằm khắc phục hậu quả đã gây ra; bị cáo Nguyễn Quang N phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản mà các bị cáo trộm cắp có giá trị không lớn, Cơ quan CSĐT đã kịp thời thu hồi và trả lại cho bị hại. Vì vậy, cần căn cứ vào các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo theo mức độ và điều kiện mà mỗi bị cáo được hưởng.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo Mai Xuân T phạm tội nhiều lần, trong quá trình điều tra bị cáo lại có hành vi bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 101 Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để bị cáo tu dưỡng, rèn luyện mình trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Quang N phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà cần căn cứ vào Điều 100 Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được cải tạo tại địa phương là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Ba Đồn thu giữ và trả lại cho cho các bị hại. Tại phiên tòa hôm nay, các bị hại vắng mặt nhưng quá trình điều tra không có ý kiến gì nên không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Mai Xuân T, đã bồi thường đầy đủ số tiền 500.000 đồng theo yêu cầu của bị hại là chị Cao Thị H; đã hoàn trả số tiền 700.000 đồng cho chị Đoàn Thị Mỹ H và 900.000 đồng cho anh Nguyễn Văn S. Bị cáo Nguyễn Quang N, đã hoàn trả số tiền 1.100.000 đồng cho anh Nguyễn Văn S. Ngoài ra, các bị hại là chị Mai Thị Thanh H, Cao Thị H, Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về mặt dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, các bị hại vắng mặt nhưng quá trình điều tra không có ý kiến gì nên không xem xét.

[8] Về án phí: Xử buộc bị cáo Mai Xuân T, Nguyễn Quang N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, bị hại; người bào chữa cho các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mai Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Quang N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 90, Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Mai Xuân T 8 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bắt tạm giữ, tạm giam (17/11/2022).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 90, Điều 91; Điều 100 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Quang N 09 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Quảng Lộc nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Quang Nhân cho Ủy ban nhân dân xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.

3. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong

4. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử buộc các bị cáo Mai Xuân T và Nguyễn Quang N phải nộp mỗi bị cáo 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; người bào chữa cho các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/3/2023 (Đối với những người có mặt) hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật (Đối với những người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA;
- THA hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tướng Thị Hà